



## KINH NGHIỆM CỦA MỸ VÀ NHỮNG GỢI MỞ HOÀN THIỆN TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

**Vũ Anh Sao**

Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.Hồ Chí Minh

**Bài viết được công bố trên Kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc gia: “Biến đổi xã hội, ngôn ngữ và quản trị toàn cầu – CSLG 2024” do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh và Cục công tác phía nam – Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp tổ chức ngày 22/05/2024.**

**Tóm tắt:** Lịch sử lập pháp hình sự tại Việt Nam, trong các Bộ luật hình sự 1985, 1999 và các bản sửa đổi, bổ sung, chỉ quy định chủ thể tội phạm là cá nhân, thì từ khi Bộ luật hình sự 2015 ra đời, đã quy định thêm chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại, đó là sự cụ thể hóa của việc hội nhập quốc tế, sự bổ sung quy định một chủ thể tội phạm mới nhằm phù hợp với các khuyến nghị của pháp luật quốc tế và nhằm để phòng, chống tội phạm một cách toàn diện và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, trên thực tế hơn 5 năm kể từ khi Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017, số vụ án liên quan đến chủ thể là pháp nhân thương mại phạm tội được đưa ra xét xử tại Việt Nam là rất hạn chế. Qua bài viết này, tác giả đưa ra một số thực trạng quy định pháp luật hình sự Việt Nam về chủ thể pháp nhân thương mại phạm tội và kinh nghiệm của Mỹ để gợi mở hoàn thiện chế định này, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng và chống tội phạm.

**Từ khóa:** luật hình sự, pháp nhân thương mại, Mỹ, Việt Nam, hoàn thiện

### 1. Bối cảnh để quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật hình sự 2015

Lịch sử lập pháp về hình sự Việt Nam thì Bộ luật hình sự năm 1985 (sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997) là Bộ luật hình sự đầu tiên của nước ta, tiếp theo là Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hiện nay là Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)<sup>1</sup>. Trong quá trình hình thành các Bộ luật hình sự, kể cả các bản sửa đổi, bổ sung; tùy vào từng giai đoạn lịch sử cụ thể mà Bộ luật hình sự nước ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của quá trình quốc tế hóa pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng. Đối với Bộ luật hình sự 1985 thì phần hiệu lực của Bộ luật hình sự theo một số nguyên tắc của luật hình sự quốc tế và quy định một số tội phạm nhằm hướng đến bảo vệ lợi ích của cộng đồng quốc tế<sup>2</sup>. Tiếp đến là Bộ luật hình sự 1999 đã có những cải tiến, sửa đổi nhằm bảo đảm trách nhiệm của Việt Nam với tư cách là thành viên của một số điều ước quốc tế về hình sự<sup>3</sup>. Còn Bộ luật hình sự hiện hành của Việt Nam đã cụ thể hóa nhiều quy định, tương thích với pháp luật quốc tế, các chế định pháp luật hình sự được ghi nhận như: quyền con người; chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại; nguyên tắc quốc tịch thụ động chi phối trong hiệu lực về không gian của Bộ luật hình sự ....; những sự thay đổi này đến từ việc

<sup>1</sup> Trong phạm vi bài viết, tác giả sử dụng cụm từ Bộ luật hình sự năm 2015, được hiểu là Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

<sup>2</sup> Khoản 2, điều 5, điều 6 BLHS 1985

<sup>3</sup> Đào Lê Thu, Xu hướng quốc tế hóa của luật hình sự Việt nam và vấn đề đặt ra cho lập pháp hình sự, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12 (412), tháng 6/2020.

Việt Nam đã mở rộng các quan hệ hợp tác toàn diện với các quốc gia trên thế giới, là thành viên của nhiều điều ước quốc tế từ song phương, đa phương liên quan đến hợp tác đấu tranh phòng và chống tội phạm có tính xuyên quốc gia, tội phạm quốc tế, như các công ước về chống tội phạm xuyên quốc gia, tham nhũng, rửa tiền. Các công ước quốc tế trong lĩnh vực hình sự này đòi hỏi các quốc gia thành viên phải nội luật hóa những quy định có tính bắt buộc và phù hợp với thông lệ quốc tế, việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự năm 2015 nhằm đáp ứng những khuyến nghị của các điều ước quốc tế về chống tham nhũng, rửa tiền, buôn bán người, khủng bố, tài trợ khủng bố ... mà Việt Nam là thành viên.

## **2. Cơ sở của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại**

### **2.1 Cơ sở lý luận của việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại**

*Thứ nhất*, xuất phát từ khái niệm về tội phạm là hành vi có lỗi, tức phải gắn với thể nhân, với việc thể hiện thái độ tâm lý tiêu cực đối với hành vi và hậu quả của người đó gây ra. Tuy nhiên, với việc công nhận chủ thể độc lập là pháp nhân tham gia vào một quan hệ pháp luật nhân danh chính pháp nhân đó, thì theo thuyết về trách nhiệm hành vi của pháp nhân là hành vi của một chủ thể độc lập, do đó nếu người đại diện cho pháp nhân đang thực hiện chức trách, nhiệm vụ nhân danh pháp nhân, thì các hậu quả pháp lý hay các sai phạm do người đại diện đó gây ra thì pháp nhân cũng chính là chủ thể phải chịu trách nhiệm; nhằm đảm bảo tính công bằng giữa hành vi sai phạm do cá nhân gây ra thì cá nhân phải chịu trách nhiệm pháp lý, với việc cá nhân gây ra sai phạm nhưng nhân danh cho pháp nhân, mang lại lợi ích cho pháp nhân thì chính pháp nhân phải chịu trách nhiệm và các hậu quả bất lợi từ phía Nhà nước.

*Thứ hai*, về việc cho rằng pháp nhân chỉ là tổ chức, một thực thể vô hình không thể áp dụng hình phạt, tuy nhiên pháp nhân cụ thể là pháp nhân thương mại hoạt động vì mục đích lợi nhuận, tức là mang lại những lợi ích kinh tế cho pháp nhân thương mại, nên các sai phạm của pháp nhân không thể áp dụng hình phạt tù, tử hình như thể nhân, nhưng vẫn có thể áp dụng các hình phạt có tính chất trừng phạt về kinh tế, cụ thể là hình phạt tiền, bồi thường thiệt hại hoặc các hình phạt mang tính bổ trợ như thực hiện các dịch vụ công ích, quản chế, lệnh cưỡng chế nhằm buộc pháp nhân thực hiện các nghĩa vụ và khắc phục các hậu quả thiệt hại mà pháp nhân đã gây ra.

*Thứ ba*, việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân cũng là cơ sở đảm bảo tính công bằng và độc lập giữa sai phạm của cá nhân gây ra, với sai phạm mà người đó thực hiện nhân danh bởi pháp nhân. Bởi lẽ, nếu một cá nhân vì thực hiện chức trách, nhiệm vụ nhân danh pháp nhân, dưới sự chỉ đạo của pháp nhân thì không thể buộc cá nhân phải chịu trách nhiệm thay cho pháp nhân, điều này sẽ gây ra sự bất bình đẳng trong việc xem xét truy cứu trách nhiệm pháp lý. Tuy nhiên, việc áp dụng trách nhiệm pháp lý đối với pháp nhân cũng không loại trừ xem xét trách nhiệm pháp lý của cá nhân, nếu cá nhân có những sai phạm vượt quá sự chỉ đạo hay lợi dụng và không nhân danh cho pháp nhân.

### **2.2 Cơ sở thực tiễn của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại tại Việt Nam**

*Thứ nhất*, pháp nhân thương mại hoạt động vì mục đích lợi nhuận, do đó trong quá trình sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp thường sẽ tối ưu hóa các chi phí đầu vào và đầu ra, bên cạnh các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, áp dụng các phương thức tiên bộ để giúp đạt hiệu quả, năng suất cao nhất, thì cũng có những doanh nghiệp bất chấp sai phạm, gây ra những hậu quả thiệt hại ảnh hưởng cho môi trường, sức khỏe con người thông qua việc xả nước thải bần không qua xử lý ra sông, biển hay sản xuất, nhập các loại thuốc giả. Điển hình các vụ vi phạm do pháp nhân gây ra như: công ty bột ngọt Vedan, công ty gang thép Formosa Hưng Nguyên Hà Tĩnh, VN Pharma nhập thuốc giả.....

*Thứ hai*, để xử lý các sai phạm từ các hành vi của pháp nhân thương mại gây ra như nêu ở trên, các chế định về trách nhiệm pháp lý của nước ta đều có những quy định cụ thể, ví dụ như chế tài về hành chính đưa ra các mức phạt tiền, nhằm trừng phạt về mặt kinh tế để răn đe các sai phạm, tuy nhiên thực tế trong nhiều năm qua số doanh nghiệp bị xử lý hành chính nhưng tái phạm vẫn

còn diễn ra, bởi lẽ mức xử phạt tiền đối với tổ chức khi có hành vi vi phạm chỉ tối đa là 2 tỷ đồng, điều này sẽ không đủ sức xử lý triệt để các hành vi vi phạm của các công ty, tập đoàn lớn, bởi lẽ số tiền này là quá nhỏ so với lợi nhuận mà doanh nghiệp có được từ việc thực hiện sai phạm. Bên cạnh đó, là chế tài bồi thường thiệt hại trong dân sự, thì cũng là vấn đề gây khó khăn cho bị hại, khi yêu cầu bị hại phải chứng minh các thiệt hại do tổ chức gây ra để yêu cầu bồi thường, việc này sẽ là rào cản rất lớn khi một cá nhân thì sẽ không hề dễ dàng để đáp ứng yêu cầu này, chưa kể việc đi kiện thì bên nguyên đơn cũng phải đóng các khoản tạm ứng án phí lớn so với khả năng của họ.

*Thứ ba*, qua nghiên cứu pháp luật các quốc gia trên thế giới cho thấy, có hơn 100 quốc gia áp dụng chế tài xử lý hình sự đối với pháp nhân khi thực hiện hành vi phạm tội, điều này là tiền bộ và tạo ra sự công bằng giữa pháp nhân và thể nhân khi thực hiện hành vi sai phạm như nhau, vì trên thực tế từ trước đến nay ở nước ta sự bất bình đẳng trong việc cá nhân thực hiện hành vi sai phạm thì bị xử lý hình sự rất nặng, trong khi pháp nhân thực hiện hành vi sai phạm tương tự chỉ bị xử lý bằng xử phạt hành chính.

*Thứ tư*, bên cạnh đó việc hội nhập ngày càng sâu rộng vào các điều ước và công ước quốc tế về đấu tranh phòng và chống tội phạm xuyên quốc gia, thì việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân là cần thiết, vì sẽ phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của quốc tế, phù hợp với thông lệ quốc tế.

### **3. Một số vấn đề pháp lý đặt ra khi thi hành quy định Bộ luật hình sự Việt Nam liên quan đến trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội**

*Thứ nhất*, tội phạm là hành vi có tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội, và để phân hóa trách nhiệm hình sự thì tại điều 9, bộ luật hình sự có phân chia thành 04 loại: tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Theo đó, (i) tội phạm ít nghiêm trọng thì tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là không lớn, mà mức cao nhất của khung hình phạt quy định với tội ấy là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 3 năm; (ii) tội phạm nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, mức cao nhất của khung hình phạt cao nhất là trên 3 năm đến 7 năm tù; (iii) tội phạm rất nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội là rất lớn, với mức cao nhất của khung hình phạt là trên 7 năm đến 15 năm tù; (iv) cuối cùng là loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội đặc biệt lớn, với mức cao nhất của khung hình phạt là trên 15 năm đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên, đối chiếu với hệ thống hình phạt dành cho cá nhân và pháp nhân thương mại trong bộ luật hình sự, thì do pháp nhân là thực thể vô hình nên trong hệ thống hình phạt chỉ có thể sử dụng hình phạt tiền để quy đổi phân loại tội phạm, nếu như vậy thì sẽ không thể phân loại tội phạm đối với chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại; đây là một bất cập bởi lẽ trong các văn bản pháp luật hiện hành không có nội dung hướng dẫn về việc quy đổi hay xác định mức độ nguy hiểm của tội phạm của pháp nhân thương mại gây ra. Điều này cũng dẫn đến khó khăn trong việc xác định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, từ đó liên đới đến việc xem xét điều kiện để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại khi phạm tội.

*Thứ hai*, trong hệ thống hình phạt của bộ luật hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại, nếu như đa số các quốc gia trên thế giới chủ yếu áp dụng hình phạt tiền để trừng phạt về mặt kinh tế đối với hành vi sai phạm của pháp nhân thương mại, còn Việt Nam thì áp dụng khá phong phú các loại hình phạt, trong đó có hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, điều này sẽ tạo ra sự răn đe lớn đối với pháp nhân thương mại, nhưng xét về khía cạnh kinh tế và các vấn đề liên quan như mối liên hệ giữa pháp nhân thương mại đó với các đối tác trong các hợp đồng làm ăn kinh doanh, các tranh chấp phát sinh, công ăn việc làm của người lao động... cũng sẽ bị ảnh hưởng rất lớn, do đó trên thực tế việc áp dụng hình phạt này cũng sẽ tạo ra những tác động lớn đến đời sống xã hội.

*Thứ ba*, bộ luật hình sự Việt Nam tại điều 8 có đưa ra khái niệm về tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện

một cách cố ý hoặc vô ý đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, nghĩa là pháp nhân phạm tội thì dấu hiệu lỗi là yếu tố bắt buộc, tuy nhiên tại các điều luật phân loại lỗi cố ý và vô ý tại điều 10, 11 và các điều luật về phạm tội chưa đạt tại điều 17 hay đồng phạm tại điều 18 chỉ đề cập lỗi dưới góc độ thực hiện của cá nhân, không đề cập đến lỗi đối với pháp nhân thương mại, và trong hệ thống các văn bản luật cũng không có các hướng dẫn cụ thể về tiêu chí và cơ sở để xác định lỗi của pháp nhân thương mại, điều này sẽ dẫn đến các khó khăn trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại.

*Thứ tư*, về hình phạt cụ thể đối với pháp nhân thương mại, tại điều 78 bộ luật hình sự quy định hình phạt đối với các tội phạm của pháp nhân thương mại như sau: “*Đình chỉ kinh doanh có thời hạn là việc pháp nhân tạm ngừng kinh doanh*” lĩnh vực gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an toàn. Hoạt động kinh doanh gây thiệt hại về trật tự, an toàn xã hội và hậu quả có thể khắc phục được, về logic của nội dung thì sẽ có những bất cập, bởi lẽ việc xâm phạm đến tính mạng, thì về thực tế là không khắc phục được. Do đó thực tế, điều luật này đưa vào áp dụng trên thực tế sẽ có những bất khả thi.

#### **4. Kinh nghiệm của Mỹ về trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân phạm tội và hướng gợi mở cho Việt Nam**

##### **4.1 Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân phạm tội theo pháp luật của Mỹ**

Theo pháp luật Mỹ việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân, dựa trên thuyết trách nhiệm pháp lý của một người đối với hành vi của người khác. Cụ thể, một người thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở chỉ đạo để thực hiện các chức trách được giao hoặc thực hiện nhiệm vụ vì lợi ích của pháp nhân thì chính pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự được gây ra bởi người đại diện cho pháp nhân đó. Tuy nhiên, pháp nhân không phải là thực thể như thể nhân, do đó hình phạt dành cho pháp nhân không thể áp dụng tương tự và tuyệt đối như hành vi của thể nhân gây ra, cụ thể sau đây một số hình phạt dành cho pháp nhân phạm tội theo pháp luật của Mỹ.

Về hình phạt tiền, đây là hình phạt được sử dụng phổ biến tại Mỹ, vì các hành vi phạm tội của pháp nhân đều có hướng tới đạt được mục đích về lợi nhuận. Việc áp dụng hình phạt tiền đối với pháp nhân, được dựa vào các tiêu chí như mức độ thiệt hại mà pháp nhân gây ra, quy mô hoạt động của pháp nhân. Tuy nhiên, việc áp dụng hình phạt tiền được cơ quan có thẩm quyền tính toán kỹ về khả năng tài chính mà pháp nhân khi gánh chịu hình phạt, để đảm bảo được tính răn đe đối với sai phạm, vừa đảm bảo được quyền lợi của các bị hại liên quan. Cụ thể, trong việc áp dụng hình phạt tiền quá lớn, dẫn đến khả năng pháp nhân có thể phá sản, thì việc ưu tiên buộc công ty hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, bồi thường cho bị hại trước so với các khoản phạt tiền mà pháp nhân đó phải nộp cho nhà nước, cơ chế này nhằm giúp cho bị hại được bảo vệ quyền lợi một cách tối đa trước các thiệt hại từ hành vi sai phạm của pháp nhân gây ra.

Cơ sở để nhà chức trách tại Mỹ áp dụng hình phạt tiền, là căn cứ vào (i) mức độ nghiêm trọng của tội phạm và (ii) lỗi của tổ chức. Theo đó, tiêu chí 1 về mức độ nghiêm trọng của tội phạm sẽ căn cứ vào tổng lợi ích kinh tế, lợi nhuận mà pháp nhân có được từ hành vi sai phạm, hay các thiệt hại mà pháp nhân đó gây ra bởi hành vi bất hợp pháp. Còn về tiêu chí 2, xác định lỗi của pháp nhân, do đặc thù của pháp nhân không phải là thực thể tồn tại như thể nhân, do đó mức độ lỗi của pháp nhân sẽ được xác định căn cứ vào việc pháp nhân đó có sự chuẩn bị trước cho hành vi sai phạm của mình hay không, cụ thể biểu hiện là cố tình tạo ra những cách thức để che giấu, đối phó từ lúc thực hiện hành vi sai phạm cho đến thời điểm bị phát hiện; hoặc những cách thức để ngăn chặn việc điều tra sai phạm của pháp nhân; hay lịch sử hoạt động của pháp nhân có bất cứ hành vi sai phạm nào hay chưa hoặc mức độ tham gia của nhân sự, thành viên của pháp nhân vào việc thực hiện hành vi bất hợp pháp.

Hình phạt quản chế đối với pháp nhân, đối với trọng tội thì thời hạn được áp dụng từ 1 – 5 năm, các trường hợp phạm tội khác thời hạn sẽ không quá 5 năm. Hình phạt quản chế được áp dụng đối với pháp nhân nhằm để pháp nhân đảm bảo nghĩa vụ khắc phục hậu quả hoặc thực hiện các nghĩa vụ công ích; hoặc trong trường hợp pháp nhân bị áp dụng hình phạt tiền nhưng chưa

thực hiện xong các khoản tiền phạt, việc quản chế nhằm đảm bảo pháp nhân phải thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính theo hình phạt được áp dụng.

Hình phạt bồi thường thiệt hại, hình phạt này buộc pháp nhân phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại do các hành vi sai phạm của pháp nhân gây ra, theo hướng đảm bảo tốt nhất quyền lợi của người bị thiệt hại. Nếu số người bị thiệt hại quá lớn và vượt quá khả năng chi trả của pháp nhân, tòa án sẽ có những phương án cho phép pháp nhân có lộ trình thực hiện nghĩa vụ bồi thường của mình thành nhiều đợt, ngoài ra sẽ tạo điều kiện cho pháp nhân cải tổ lại các hoạt động, theo hướng có thể phục hồi các hoạt động kinh doanh để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường. Pháp nhân cũng có thể bồi thường bằng tiền hoặc trả lại tài sản, thay thế tài sản khác hay cung cấp các dịch vụ cho bên bị hại như một biện pháp thay thế nếu bị hại đồng ý.

Hình phạt thể hiện dưới hình thức lệnh cưỡng chế, hình phạt này buộc pháp nhân khôi phục lại tình trạng ban đầu cho những thiệt hại mà pháp nhân đã gây ra, chẳng hạn nếu pháp nhân gây ra ô nhiễm môi trường thì buộc pháp nhân phải có những biện pháp làm sạch môi trường; hoặc để ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro, thiệt hại mà pháp nhân có thể gây ra trong tương lai; thì sẽ buộc pháp nhân thành lập một quỹ dự phòng, để bảo đảm và phòng hờ nếu pháp nhân có những sai phạm tương tự sẽ có cơ chế để khắc phục các thiệt hại này.

Dịch vụ công ích và chương trình tuân thủ, ứng xử đạo đức hiệu quả. Hình phạt này buộc pháp nhân phải nhận thức và có tính giáo dục sai phạm, phòng ngừa sai phạm, thông qua việc pháp nhân có trách nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động mang lại giá trị, lợi ích cho xã hội, cho cộng đồng. Bên cạnh đó, trong nội bộ của pháp nhân phải có cơ chế xây dựng bộ quy chuẩn ứng xử, kiểm tra và phát hiện, phòng ngừa các sai phạm nội sinh, thiết lập một quy chuẩn đạo đức trong việc tuân thủ nghĩa vụ, trách nhiệm với nghề nghiệp.

#### **4.2 Hướng gợi mở cho Việt Nam để hoàn thiện trách nhiệm hình sự pháp nhân thương mại phạm tội trong Bộ luật hình sự**

*Thứ nhất*, như trình bày ở nội dung mục 3, trong bộ luật hình sự việc đưa vào hệ thống hình phạt dành cho hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại nhiều hình phạt khác nhau, trong đó có hình phạt đình chỉ hoạt động sẽ gây ra những bất cập, khó khăn phải xử lý khi thi hành án trên thực tế như đã nêu ở trên. Có thể học hỏi kinh nghiệm của Mỹ trong việc áp dụng một số hình phạt theo hướng thay vì chấm dứt sự tồn tại của một pháp nhân, sử dụng những chế tài giúp cho pháp nhân cải tổ nội bộ, tuân thủ pháp luật và thực hiện hành động phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội như hình phạt quản chế, dịch vụ công ích xã hội, tăng cường áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại, tăng hình phạt tiền.

*Thứ hai*, là việc xác định lỗi của pháp nhân thương mại cần bổ sung cụ thể vào quy định tại các điều luật liên quan, để có cơ chế xác định lỗi của pháp nhân thương mại. Ngoài ra, có thể vận dụng kinh nghiệm của Mỹ trong việc áp dụng hình phạt tiền, thông qua xác định mức độ nghiêm trọng của tội phạm và lỗi của của tổ chức, theo cách thức mà Mỹ đã tiến hành như phần trình bày ở trên.

*Thứ ba*, với việc đưa ra các tiêu chí để xác định, quy đổi mức độ nghiêm trọng của tội phạm là pháp nhân thương mại, cũng sẽ là cơ sở để giúp tạo ra cách phân loại tội phạm đối với chủ thể là pháp nhân thương mại một cách phù hợp, giải quyết vấn đề tồn tại và tách bạch việc phân loại tội phạm của cá nhân phạm tội và pháp nhân phạm tội. Từ đó, xác định được thời hiệu và điều kiện truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân phạm tội.

### **KẾT LUẬN**

Trong bài viết tác giả đã nêu khái quát về chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại, được bổ sung mới trong Bộ luật hình sự hiện hành tại Việt Nam, qua trình bày cho thấy đây là một quy định tiên bộ trong hoạt động lập pháp hình sự tại Việt Nam, có sự tiệm cận với pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới về nội dung này; tăng cường hiệu quả trong đấu tranh phòng và chống tội phạm, đặc biệt là các tội phạm liên quan đến kinh tế, trốn thuế, rửa tiền.... Tuy nhiên,

trên thực tế bối cảnh của Việt Nam, trong quy định của pháp luật hình sự vẫn còn một số vướng mắc đặt ra trong quá trình xử lý các vụ án hình sự liên quan đến chủ thể là pháp nhân thương mại, như: xác định lỗi của pháp nhân thương mại, xác định chủ thể, trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, phân loại tội phạm và liên đới đến thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại; dẫn đến tình trạng văn bản pháp luật hình sự thì có quy định về chủ thể pháp nhân thương mại, nhưng trên thực tiễn áp dụng quy định pháp luật hình sự này còn nhiều bất cập, khó khăn, dẫn đến việc mục đích đặt ra trong đấu tranh hiệu quả với tội phạm là pháp nhân thương mại chưa được như mong muốn. Tác giả nêu một số quy định của pháp luật hình sự Mỹ về xác định lỗi, hình phạt và từ đó đề ra một số hướng gợi mở cho Việt Nam trong việc hoàn thiện và giải quyết các vướng mắc trong việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với chủ thể tội phạm là pháp nhân thương mại tại Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017
2. Bộ luật dân sự năm 2015
3. Tờ trình về Dự án Bộ luật hình sự (*sửa đổi*) số 186/TTr-CP ngày 27/04/2015 của Chính phủ trình Quốc hội, tr.28.
4. Lê Trung Chính, Dân luật đại cương, Sài Gòn, 1950, tr.177.
5. Hoàng Minh Đức, Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại và những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 7/2020, trang 20.
6. Phạm Hồng Hải, Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không? Tạp chí Luật học, số 3 (2000) tr.16.
7. Đào Lê Thu, Xu hướng quốc tế hóa của luật hình sự Việt nam và vấn đề đặt ra cho lập pháp hình sự, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12 (412), tháng 6/2020.